TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÙ LAO DUNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/DS-ST
Ngày: 20-02-2024
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Nguyễn Thành Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2023, về tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-DS, ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị T1, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn:

1. Ông Lê Văn K (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị T2 (C) (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Trần Thị T3 (vắng mặt);

2. Bà Nguyễn Thị Thu H (vắng mặt);

3. Ông Lâm Văn S (vắng mặt);

4. Bà Huỳnh Thị A (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng;

5. Bà Võ Thanh N (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 14 tháng 10 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị T1 trình bày:

Bà Mai Thị T1 có làm đầu thảo hụi (chủ hụi), vợ chồng ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T2 có tham gia chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi như sau:

Dây hụi khui lần đầu ngày 10/4/2015AL (âm lịch) do bà T1 làm chủ hụi, hụi tháng 2.000.000 đồng/01 phần, hình thức 01 tháng khui 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, dây hụi có 39 phần, dây hụi này bà Nguyễn Thị T2 (C) và ông Lê Văn K tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui lần thứ 6 bà T2, ông K hốt hụi, bà T1 đã giao đủ số tiền hụi này cho bà T2, ông K. Sau khi hốt hụi bà T2, ông K đã đóng hụi chết cho bà T1 từ kỳ khui hụi thứ 7 cho đến kỳ khui hụi thứ 28 (kỳ khui thứ 28 bà T2, ông K đóng hụi được 1.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng) đến kỳ khui hụi lần thứ 29 thì bà T2, ông K ngưng không đóng hụi tiếp cho bà T1, kể từ kỳ khui lần thứ 29 đến khi mãn hụi thì bà T2, ông K ngưng đóng hụi chết cho bà T1. Bà T1 đã đứng ra đóng hụi chết từ kỳ thứ 28 là thêm 1.000.000 đồng và từ kỳ khui hụi thứ 29 đến khi mãn hụi là 11 kỳ, với số tiền là 2.000.000 đồng/1 lần x 11 kỳ = 22.000.000 đồng. Bà T2, ông K còn nợ tiền hụi của bà T1 trong dây hụi này là 23.000.000 đồng. Như vậy bà T2, ông K còn nợ bà T1 trong hợp đồng góp hụi là 23.000.000 đồng, khi mãn hụi giữa bà T1 và bà T2, ông K có chốt hụi và ông T2, ông K có cam kết khi nào nhận được tiền đền bù giải phóng mặt bằng làm tuyến lộ 933B thì trả tiền cho bà T1. Khi ông T2, ông K nhận được tiền, bà T1 có đòi tiền nhiều lần thì bà T2, ông K chỉ hứa hẹn chứ không có trả tiền cho bà T1. Vào ngày 22/6/2021, bà T1 có gửi đơn yêu cầu hòa giải đến Tổ hòa giải ấp P để yêu cầu hòa giải ông T2, ông K trả tiền hụi cho bà T. Vào ngày 15/7/2022, khi Tổ hòa giải tiến hành hòa giải thì ông T2, ông K không tham gia nên hòa giải không thành.

Bà T1 yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K có trách nhiệm trả cho bà T1 tiền nợ trong hợp đồng góp hụi với số tiền 23.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện: Theo đơn khởi kiện, bà T1 yêu cầu bà T2, ông K trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng 23.000.000 đồng nhưng do nhầm lẫn nên trong danh sách hụi viên nộp kèm theo đơn khởi kiện, bà T1 ghi có 36 phần hụi. Sau khi hốt được hụi, bà T2, ông K đã đóng hụi (hụi chết) được đến lần thứ 27 và lần thứ 28 bà T2, ông K đóng tiền hụi được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng và 08 lần tiền đóng hụi chết còn lại chưa đóng là 16.000.000 đồng. Tổng cộng bà T2, ông K còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bà Trinh là 17.000.000 đồng. Do đó, bà T1 yêu cầu Tòa án buộc bà T2, ông K trả cho bà T1 số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 17.000.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 55/TB-TLVA ngày 03 tháng 7 năm 2023, tống đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K, nhưng bà T2, ông K từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và bà T2, ông K cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với bà T2, ông K để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T2, ông K vắng mặt không có lý do và bà T1 có đơn yêu cầu Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà T2, ông K trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các bị đơn và những người làm chứng bà Trần Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lâm Văn S, bà Huỳnh Thị A, bà Võ Thị N chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ với số tiền 17.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với lời khai của những người làm chứng Trần Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lâm Văn S, bà Huỳnh Thị A, bà Võ Thị N. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K phải có nghĩa vụ trả số tiền hụi 17.000.000 đồng còn nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật. Bà T2 và ông K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Mai Thị T1 và các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K cùng cư trú tại ấp P, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Bà T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà T2 và ông K phải trả cho bà T1 số tiền hụi còn nợ là 17.000.000 đồng. Bà T1 đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện, bà T1 là người cao tuổi và có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí và được Tòa án cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật. Như vậy, việc Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý việc khởi kiện của bà Mai Thị T1 là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K và những người làm chứng bà Trần Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Lâm Văn S, bà Huỳnh Thị A, bà Võ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các bị đơn và những người làm chứng nêu trên.

[1.3] Tại phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện như sau: Theo đơn khởi kiện, bà T1 yêu cầu bà T2, ông K trả số tiền hụi còn nợ tổng cộng 23.000.000 đồng nhưng do nhầm lẫn nên trong danh sách hụi viên, bà T1 ghi có 36 phần hụi. Sau khi hốt được hụi, bà T2, ông K đã đóng hụi (hụi chết) được đến lần thứ 27 và lần thứ 28 bà T2, ông K đóng tiền hụi được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng và 08 lần tiền hụi chết chưa đóng là 16.000.000 đồng. Tổng cộng bà T2, ông K còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bà T1 là 17.000.000 đồng. Do đó, bà T1 yêu cầu Tòa án buộc bà T2, ông K trả cho bà T1 số tiền hụi còn nợ tổng cộng là 17.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Mai Thị T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K trả cho nguyên đơn số tiền hụi còn nợ là 17.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời trình bày của nguyên đơn thì nguyên đơn có làm chủ hụi đối với dây hụi tháng khui lần đầu ngày 10/4/2015AL (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/01 phần, hình thức 01 tháng khui 01 lần vào ngày 10 âm lịch hàng tháng, dây hụi có 39 phần, dây hụi này bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K tham gia 01 phần. Sau khi hụi khui lần thứ 6 bà T2, ông K hốt hụi, bà T1 đã giao đủ số tiền hụi này cho bà T2, ông K. Sau khi hốt hụi bà T2, ông K đã đóng hụi chết cho bà T1 từ kỳ khui hụi thứ 7 cho đến kỳ khui hụi thứ 28 (kỳ khui thứ 28 bà T2, ông K đóng hụi được 1.000.000 đồng còn nợ lại 1.000.000 đồng) đến kỳ khui hụi lần thứ 29 thì bà T2, ông K ngưng không đóng hụi tiếp cho bà T1, kể từ kỳ khui lần thứ 29 đến khi mãn hụi thì bà T2, ông K ngưng đóng hụi chết cho bà T1. Bà T1 đã đứng ra đóng hụi chết từ kỳ thứ 28 là thêm 1.000.000 đồng và từ kỳ khui hụi thứ 29 đến khi mãn hụi là 11 kỳ, với số tiền là 2.000.000 đồng/01 lần x 11 kỳ = 22.000.000 đồng. Bà T2, ông K còn nợ tiền hụi của bà T1 trong dây hụi này là 23.000.000 đồng. Do nhầm lẫn nên trong danh sách hụi viên, bà T1 ghi có 36 phần hụi. Sau khi hốt được hụi, bà T2, ông K đã đóng hụi chết được đến lần thứ 27 và lần thứ 28 bà T2, ông K đóng tiền hụi được 1.000.000 đồng, còn nợ lại 1.000.000 đồng và 08 lần tiền đóng hụi chết chưa đóng là 16.000.000 đồng. Tổng cộng bà T2, ông K còn nợ tiền hụi chưa đóng cho bà T1 là 17.000.000 đồng.

[4.1] - Tại lời khai ngày 08 tháng 01 năm 2024, người làm chứng ông Lâm Văn S là Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp P, xã A, huyện C trình bày: Vào tháng 6 năm 2021, bà Mai Thị T1 có làm đơn gửi đến Tổ hòa giải ấp P để yêu cầu hòa giải tiền hụi giữa bà T1 với bà Nguyễn Thị T2, ông Lê Văn K nhưng do dịch bệnh nên đến ngày 15/7/2022, Tổ hòa giải mới mời các bên lên hòa giải, thì chỉ có mặt bà T1, bà T2, tại buổi hòa giải, ông S đọc nội dung đơn yêu cầu hòa giải của bà T1 lập ngày 22/6/2021, thì bà T2 thừa nhận còn nợ tiền hụi bà T2 theo nội dung đơn do bà T1 yêu cầu. Bà T2 thừa nhận tiền hốt hụi của bà T1 thì do hai vợ chồng là bà T2 và ông K cùng sử dụng chi tiêu trong gia đình. Tuy nhiên, khi Tổ hòa giải lập biên bản thì bà T2 không chịu ký tên và tự ý bỏ về. Theo ông S được biết, thì đến nay, bà T2, ông K chưa trả đủ tiền hụi cho bà T1, số tiền bà T2, ông K còn nợ bà Trinh bao nhiêu thì ông S không biết rõ.

[4.2] - Tại lời khai cùng ngày 08 tháng 01 năm 2024, những người làm chứng bà Trần Thị T3 và bà Nguyễn Thị Thu H là thành viên Tổ hòa giải ấp P, xã A, huyện C trình bày: Vào năm 2022, thời gian không nhớ cụ thể, bà Mai Thị T1 có làm đơn gửi đến Tổ hòa giải ấp P để yêu cầu hòa giải tiền hụi do bà Nguyễn Thị T2, ông Lê Văn K hốt hụi do bà T1 làm chủ hụi, khi hòa giải, thì có mặt bà T1, bà T2. Tại buổi hòa giải, bà T2 thừa nhận còn nợ tiền hụi của bà T1, bà T2 nói từ từ trả tiền hụi cho bà T1. Tổ hòa giải lập biên bản hòa giải, thì bà T2 không ký tên vào biên bản rồi bỏ đi về. Bà T2 còn nợ tiền hụi bà T1 số tiền bao nhiêu thì các bà không nhớ rõ.

[4.3] - Tại lời khai cùng ngày 08 tháng 01 năm 2024, những người làm chứng bà Huỳnh Thị A và bà Võ Thanh N là hụi viên có tham gia chơi dây hụi tháng do bà Mai Thị T1 làm chủ hụi, hụi khui lần đầu ngày 10/4/2015AL, hụi 2.000.000 đồng/01 phần, dây hụi có ba mươi mấy phần, bà A, bà N không nhớ rõ, hiện nay dây hụi trên đã mãn hụi, tên hụi viên của bà A là "Trường A", tên hụi viên của bà N là "N", tên hụi viên bà T2 là "C K", bà A và bà N mỗi người tham gia 02 phần hụi. Trong quá trình chơi hụi, thì bà A, bà N thấy bà T2 là người đi bỏ thăm hốt hụi, dây hụi khui được vài lần thì bà T2 bỏ thăm hốt được tiền hụi, số tiền bà T2 hốt hụi được bao nhiêu thì bà A, bà N không nhớ rõ. Sau đó, bà T2 có đóng lại tiền hụi chết cho bà T1 được một thời gian, thì bà A, bà N nghe bà T1 nói bà T2 không đóng tiền hụi chết đủ cho bà T1. Đến nay, bà A, bà N vẫn còn nghe bà T1 nói bà T2 chưa đóng tiền hụi chết đủ cho bà T1, còn bà T2 nợ bà T1 số tiền cụ thể bao nhiêu thì bà A, bà N không biết rõ.

[5] Xét những lời trình bày của những người làm chứng nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Trần Thị T3, bà Nguyễn Thị Thu H là thành viên của Tổ hòa giải ấp P; bà Huỳnh Thị A, bà Võ Thanh N là những hụi viên cùng tham chơi hụi với bà Nguyễn Thị T2, ông Lê Văn K do bà Mai Thị T1 làm chủ hụi và những người này không có mâu thuẫn gì với bà T2, ông K nhưng họ đều khẳng định bà T2, ông K có tham gia chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi đối với dây hụi tháng hụi khui lần đầu ngày 10/4/2015AL (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/01 phần và còn nợ tiền hụi bà T1. Người làm chứng ông Lâm Văn S là Tổ trưởng Tổ hòa giải ấp P khẳng định tại buổi hòa giải ngày 15/7/2022, bà T2 thừa nhận còn nợ tiền bà T1 theo nội dung đơn do bà T1 yêu cầu, bà T2 thừa nhận tiền hốt hụi của bà T1 thì do hai vợ chồng là bà T2 và ông K cùng sử dụng chi tiêu trong gia đình. Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định bà T2, ông K có tham gia chơi dây hụi tháng hụi khui lần đầu ngày 10/4/2015AL (âm lịch), hụi 2.000.000 đồng/01 phần, đã hốt hụi và còn nợ lại bà T1 số tiền hụi chưa đóng tổng cộng là 17.000.000 đồng.

[6] Từ những phân tích trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử khẳng định bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K còn nợ nguyên đơn số tiền hụi 17.000.000 đồng là sự thật.

[7] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường thì "Trong trường hợp thành viên không góp phần họ, chủ họ đã góp các phần họ thay cho thành viên đó thì thành viên phải trả cho chủ họ các phần họ chậm trả và khoản lãi đối với các phần họ chậm trả. Mức lãi do các bên thỏa thuận, nếu không có thỏa thuận hoặc không thỏa thuận được thì áp dụng mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả các phần họ" căn cứ theo quy định này thì bà T2, ông K có nghĩa vụ phải trả cho bà T1 số tiền hụi còn nợ 17.000.000 đồng. Do nguyên đơn không yêu cầu các bị đơn phải trả lãi đối với số tiền hụi chậm trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Mai Thị T1 số tiền hụi còn nợ 17.000.000 đồng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[9] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nên các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5% x 17.000.000 đồng = 850.000 đồng (bà T2 nộp 425.000 đồng, ông K nộp 425.000 đồng).

[11] Nguyên đơn bà Mai Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi, có đơn xin được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm và được Tòa án chấp nhận nên không phải trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 229 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 471; Điều 375 Bộ luật Dân sự; Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị T1.

2. Xử buộc các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K phải trả cho nguyên đơn bà Mai Thị T1 số tiền hụi còn nợ 17.000.000 đồng (mười bảy triệu đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn bà Mai Thị T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Các bị đơn bà Nguyễn Thị T2 và ông Lê Văn K phải chịu 850.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (bà Nguyễn Thị T2 nộp 425.000 đồng, ông Lê Văn K nộp 425.000 đồng).

3.2. Nguyên đơn bà Mai Thị T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn là người cao tuổi đã được Tòa án cho miễn nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm nên không phải hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

4. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn